

NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞ/HEAD OFFICE
201-203 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bàn Cờ, TP.HCM
201-203 Cách Mạng Tháng Tám Street, Ban Co Ward, HCMC
[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688
[Hotline] 1900 6679 - [W] www.namabank.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

Số/No.: 1307/2025/CBTT-NHNA

TP.HCM/HCMC, ngày/date 29 tháng/month 09 năm/year 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Commission of Vietnam

- Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Vietnam Exchange

- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Hochiminh Stock Exchange

1. **Tên tổ chức phát hành/Name of organization:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á/ Nam A Commercial Joint Stock Bank.

- Mã chứng khoán/Stock code: NAB.

- Địa chỉ/Address: 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh/201-203 Cách Mạng Tháng Tám Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.

- Email: namabank@namabank.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:**

Để thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định, Ngân hàng TMCP Nam Á kính gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh văn bản sau/To disclose the information in accordance with the regulations, Nam A Commercial Joint Stock Bank respectfully sends to The State Securities Commission of Vietnam, The Vietnam Exchange and The Hochiminh Stock Exchange the documents as listed below:

+ Công bố thông tin về Tỷ lệ an toàn vốn tháng 6 năm 2025/Capital Adequacy Ratio Disclosures As Of June 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Nam Á: <https://www.namabank.com.vn>/This information was published on the company's website as in the link: <https://www.namabank.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận/To:

- Như Kính gửi/*As the Greetings part;*
- Lưu/Archived: VP HĐQT/*Office of BOD.*

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á/*NAM A BANK*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/

Person authorized to disclose information

VP PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT/

Vice Chairwoman



Võ Thị Tuyết Nga

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN THÁNG 6/2025

(Theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)

NỘI DUNG

TRANG

1. Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn	3
2. Cơ cấu Vốn tự có và Tỷ lệ an toàn vốn	3
2.1. Cơ cấu vốn tự có	3
2.2. Tỷ lệ an toàn vốn	4
3. Quản trị rủi ro	5
3.1. Rủi ro tín dụng	5
3.2. Rủi ro hoạt động	10
3.3. Rủi ro thị trường	11

1. Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn

Đây là nội dung công bố thông tin liên quan đến Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng TMCP Nam Á (“Nam A Bank”) và công ty con cho đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025. Các thông tin được công bố phù hợp với Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục 5- Nội dung công bố thông tin).

Tại thời điểm 30/06/2025, Nam A Bank có công ty con được hợp nhất khi tính Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất như sau:

Tên công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn cổ phần và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Nam Á (AMC)	500.000	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%

Tại thời điểm 30/06/2025, Nam A Bank chỉ có duy nhất một công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Nam Á (AMC) thuộc lĩnh vực hoạt động là Quản lý nợ và khai thác tài sản.

2. Cơ cấu Vốn tự có và Tỷ lệ an toàn vốn

2.1. Cơ cấu Vốn tự có

a. Nội dung định tính

Tại thời điểm 30/06/2025, vốn điều lệ của Nam A Bank là 13.725.506 triệu đồng và không phát sinh các công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ.

b. Nội dung định lượng

Thông tin về Vốn cấp 1, Vốn cấp 2, Giá trị các khoản mục giảm trừ khi tính Vốn tự có riêng lẻ và hợp nhất của Nam A Bank tính đến thời điểm 30/06/2025 như sau:

Đvt: Triệu đồng

Khoản mục	Chỉ số	Riêng lẻ	Hợp nhất
I	Vốn cấp 1 (I.1 - I.2)	21.201.948	21.239.791
I.1	Cấu phần Vốn cấp 1	21.201.948	21.239.791
I.2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 1	-	-
II	Vốn cấp 2 (II.1 - II.2)	9.532.735	9.532.735
II.1	Cấu phần Vốn cấp 2	9.532.735	9.532.735
II.2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 2	-	-
III.	Các khoản phải giảm trừ khi tính Vốn tự có	216.997	-
TỔNG VỐN TỰ CÓ = (I) + (II) - (III)		30.517.686	30.772.526

2.2. Tỷ lệ an toàn vốn

a. Nội dung định tính

- Nam A Bank đã xây dựng hệ thống tự động tính toán Tỷ lệ an toàn vốn, ban hành quy định về tổ chức, phân công chức năng, nhiệm vụ cho từng bộ phận, cá nhân và thực hiện quy trình tính toán Tỷ lệ an toàn vốn theo các bước sau:
 - + Thu nhập, rà soát và tổng hợp dữ liệu đầu vào cho hệ thống tính toán, đảm bảo dữ liệu được cung cấp chính xác và kịp thời;
 - + Tính toán Tỷ lệ an toàn vốn;
 - + Kiểm tra kết quả tính toán Tỷ lệ an toàn vốn, đảm bảo kết quả được tính toán chính xác theo dữ liệu đầu vào và các phương pháp được quy định;
 - + Sử dụng kết quả Tỷ lệ an toàn vốn đã kiểm tra cho việc phân tích và báo cáo.
- Để duy trì Tỷ lệ an toàn vốn đạt mức mục tiêu theo Khẩu vị rủi ro của Nam A Bank đồng thời đáp ứng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, Nam A Bank đã thành lập Hội đồng Quản lý vốn với cơ chế hoạt động phù hợp với yêu cầu tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và các yêu cầu quản trị nội bộ khác với các nội dung chính như sau:
 - + Quy định vai trò, trách nhiệm và nguyên tắc hoạt động giám sát của quản lý cấp cao, các đơn vị và cá nhân nhằm xây dựng hệ thống quản lý an toàn vốn vững chắc đảm bảo quản trị hiệu quả cơ cấu vốn tự có, danh mục tài sản và Tỷ lệ an toàn vốn.
 - + Tính toán vốn cần thiết bù đắp các rủi ro trọng yếu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.
 - + Tái cấu trúc vốn để thực hiện tối ưu hóa cơ cấu Vốn tự có, trong đó bao gồm việc phát hành nợ thứ cấp và xây dựng phương án phân phối lợi nhuận phù hợp với điều kiện thị trường.
 - + Thực hiện quản lý, giám sát tỷ lệ an toàn vốn để có những cảnh báo sớm đối với các dấu hiệu nguy cơ dẫn đến suy giảm Tỷ lệ an toàn vốn, từ đó có các hành động kịp thời nhằm khắc phục, đảm bảo an toàn vốn cho hoạt động của Nam A Bank.
 - + Xây dựng và triển khai chính sách xác định lãi suất cho vay dựa trên tính chất rủi ro của khách hàng để đảm bảo lợi nhuận thu được đủ bù đắp rủi ro phát sinh và tạo ra thặng dư kỳ vọng.
 - + Thực hiện phân tích, dự phóng, phân bổ và giám sát mức độ đủ vốn định kỳ và chuẩn mực với sự tham gia của toàn hệ thống.

b. Nội dung định lượng:

Thông tin chi tiết về Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất của Nam A Bank tính đến thời điểm 30/06/2025 như sau:

Dvt: Triệu đồng

Khoản mục	Chi số	Riêng lẻ	Hợp nhất
A	Vốn tự có (A1+A2-A3)	30.517.686	30.772.526
A1	Vốn tự có cấp 1	21.201.948	21.239.791
A2	Vốn tự có cấp 2	9.532.735	9.532.735
A3	Các khoản giảm trừ khi tính Vốn tự có	216.997	-
B	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (B1+B2)	263.657.342	263.410.848
B1	Rủi ro tín dụng	263.398.722	263.152.228
B2	Rủi ro tín dụng đối tác	258.620	258.620
C	Vốn yêu cầu đối với rủi ro thị trường	-	-
D	Vốn yêu cầu đối với rủi ro hoạt động	1.383.275	1.390.385
E	Tỷ lệ an toàn vốn = $\{A / [B+12,5 (C+D)]\} \times 100\%$	10,86%	10,96%
E1	Tỷ lệ Vốn cấp 1 = $\{A1 / [B+12,5 (C+D)]\} \times 100\%$	7,55%	7,56%

3. Quản trị rủi ro

3.1. Rủi ro tín dụng

a. Nội dung định tính

❖ Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

- Quản lý rủi ro tín dụng được thực hiện trong suốt quá trình cấp tín dụng từ đề xuất, thẩm định, phê duyệt, quản lý tín dụng nhằm tuân thủ quy định của pháp luật và thống nhất chiến lược kinh doanh, chiến lược quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro của toàn Ngân hàng. Trong đó, quy định rõ ràng vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các cá nhân, bộ phận tham gia trong quá trình cấp tín dụng, đảm bảo kiểm soát xung đột lợi ích giữa cá nhân/bộ phận có chức năng thẩm định với các cá nhân/bộ phận có chức năng quan hệ khách hàng; thẩm định lại; phê duyệt cấp tín dụng; kiểm soát hạn mức rủi ro tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng có vấn đề, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.
- Nam A Bank áp dụng nhiều biện pháp khác nhau để đảm bảo rủi ro đối với danh mục cấp tín dụng và không ngừng hoàn thiện các quy trình cấp tín dụng, các biện pháp đảm bảo tiền vay, quản lý và cảnh báo danh mục, hệ thống cảnh báo sớm, bộ tiêu chí thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở rủi ro và phù hợp với các chức danh, đặc điểm của sản phẩm và khách hàng, đảm bảo sự đa dạng trong hoạt động tín dụng và tuân thủ các giới hạn cấp tín dụng. Kết quả liên quan đến các hoạt động quản lý rủi ro tín dụng được báo cáo định kỳ cho Hội đồng Rủi ro, Ban điều hành, Ủy ban Quản lý rủi ro và Hội đồng quản trị.
- Nam A Bank sử dụng kết quả xếp hạng tín nhiệm của ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập Moody's, Standard & Poor's, Fitch Ratings để xét hệ số rủi ro cho các khoản phải đòi từ các Định chế tài chính. Trong trường hợp một Định chế tài chính có nhiều hơn một kết quả xếp hạng tín nhiệm độc lập, Nam A Bank sử dụng kết quả xếp hạng tín nhiệm thấp nhất.

Các thứ hạng tín nhiệm và quy đổi như sau:

Standard & Poor's	Moody's	Fitch Rating	Quy đổi
AAA, AA+, AA, AA-	Aaa, Aa1, Aa2, Aa3	AAA, AA+, AA, AA-	AAA, AA+, AA, AA-
A+, A, A-	A1, A2, A3	A+, A, A-	A+, A, A-
BBB+, BBB, BBB-	Baa1, Baa2, Baa3	BBB+, BBB, BBB-	BBB+, BBB, BBB-
BB+, BB, BB-	Ba1, Ba2, Ba3	BB+, BB, BB-	BB+, BB, BB-
B+, B, B-	B1, B2, B3	B+, B, B-	B+, B, B-
CCC+ và thứ hạng thấp hơn	Caal và thứ hạng thấp hơn	CCC+ và thứ hạng thấp hơn	CCC+ và thứ hạng thấp hơn

❖ **Các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng:**

Nam A Bank quy định danh mục các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng bao gồm:

- Giảm thiểu rủi ro bằng tài sản đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật gồm:
 - + Tiền mặt, giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm do Nam A Bank phát hành;
 - + Tiền mặt, giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm do các Tổ chức tín dụng khác phát hành;
 - + Giấy tờ có giá do Chính phủ Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán;
 - + Chứng khoán nợ do chính phủ các nước, tổ chức công lập của chính phủ các nước phát hành được doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập xếp hạng từ BB- trở lên;
 - + Chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành được doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập xếp hạng từ BBB- trở lên;
 - + Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội.
- Giảm thiểu rủi ro bằng bù trừ số dư nội bảng.
- Giảm thiểu rủi ro bằng bảo lãnh của bên thứ ba.
- Giảm thiểu rủi ro bằng sản phẩm phái sinh tín dụng.

b. Nội dung định lượng:

b1. Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu rủi ro tín dụng:

Đvt: Triệu đồng

Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	Riêng lẻ			Hợp nhất		
	TSCRR trước giảm thiểu RRTD	Giảm thiểu RRTD	TSCRR sau giảm thiểu RRTD	TSCRR trước giảm thiểu RRTD	Giảm thiểu RRTD	TSCRR sau giảm thiểu RRTD
Khoản phải đòi Chính phủ Việt Nam, NHNN, Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC), Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	-	-	-	-	-	-
Khoản phải đòi tổ chức tài chính	44.040.368	-	44.040.368	44.040.368	-	44.040.368
Khoản phải đòi doanh nghiệp	181.592.789	3.632.330	178.180.752	181.592.789	3.632.330	178.180.752
Khoản phải đòi được đảm bảo bất động sản	12.297.310	-	12.297.310	12.297.310	-	12.297.310
Khoản phải đòi cho vay thế chấp nhà	862.605	-	862.605	862.605	-	862.605
Khoản phải đòi thuộc danh mục bán lẻ	5.232.038	980.819	4.496.424	5.232.038	980.819	4.496.424
Khoản phải đòi khác	24.260.219	484.969	23.779.882	24.013.725	484.969	23.533.388
Tổng	268.285.329	5.098.118	263.657.342	268.038.835	5.098.118	263.410.848

b2. Các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín nhiệm và tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo thứ tự xếp hạng tín nhiệm độc lập:

- Tổ chức tài chính nước ngoài:

Đvt: Triệu đồng

Thứ hạng tín nhiệm	HSRR	TSCRR	Vốn yêu cầu
AAA, AA+, AA, AA-	20%	41.984	3.359
A+, A, A-, BBB+, BBB, BBB-	50%	9.920	794

BB+, BB, BB-, B+, B, B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc không có xếp hạng	150%	15.541	1.243
Tổng		67.445	5.396

- Tổ chức tài chính trong nước:

Đvt: Triệu đồng

Kỳ hạn	Thứ hạng tín nhiệm	HSRR	TSCRR	Vốn yêu cầu
Kỳ hạn ban đầu dưới 3 tháng	AAA, AA+, AA, AA-	10%	-	-
	A+, A, A-, BBB+, BBB, BBB-	20%	135	11
	BB+, BB, BB-	40%	12.579.827	1.006.386
	B+, B, B-	50%	11.167.589	893.407
	Dưới B- hoặc không có xếp hạng	70%	5.716.949	457.356
Tổng			29.464.500	2.357.160
Kỳ hạn ban đầu trên 3 tháng	AAA, AA+, AA, AA-	20%	-	-
	A+, A, A-, BBB+, BBB, BBB-	50%	1.623.960	129.917
	BB+, BB, BB-	80%	3.158.264	252.661
	B+, B, B-	100%	2.349.883	187.991
	Dưới B- hoặc không có xếp hạng	150%	7.376.315	590.105
Tổng			14.508.422	1.160.674

b3. Cơ cấu tài sản tính theo rủi ro tín dụng phân theo đối tượng (bao gồm Chính phủ, TCTD khác, tổ chức kinh tế, cá nhân):

Đvt: Triệu đồng

Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	Riêng lẻ		Hợp nhất	
	TSCRR	Vốn yêu cầu	TSCRR	Vốn yêu cầu
Khoản phải đòi Chính phủ Việt Nam, NHNN, Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC), Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	-	-	-	-
Khoản phải đòi tổ chức tài chính	44.040.368	3.523.229	44.040.368	3.523.229
Khoản phải đòi doanh nghiệp	178.180.752	14.254.460	178.180.752	14.254.460
Khoản phải đòi được đảm bảo BĐS	12.297.310	983.785	12.297.310	983.785
Khoản phải đòi cho vay thế chấp nhà	862.605	69.008	862.605	69.008
Khoản phải đòi thuộc danh mục bán lẻ	4.496.424	359.714	4.496.424	359.714
Khoản phải đòi khác	23.779.882	1.902.391	23.533.388	1.882.671
Tổng	263.657.342	21.092.587	263.410.848	21.072.867

b4. Cơ cấu tài sản tính theo rủi ro tín dụng phân theo ngành đối với khoản cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân:

Đvt: Triệu đồng

Ngành nghề	TSCRR	Vốn yêu cầu
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và các xe có động cơ khác	77.833.077	6.226.646
Hoạt động kinh doanh bất động sản	37.156.119	2.972.490
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	22.566.481	1.805.318
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	18.327.358	1.466.189
Xây dựng	14.623.083	1.169.847
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	12.732.477	1.018.598
Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	11.040.438	883.235
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	6.393.640	511.491
Các ngành khác	13.120.187	1.049.615
Tổng	213.792.860	17.103.429

3.2. Rủi ro hoạt động

a. Nội dung định tính

❖ **Chính sách quản lý rủi ro hoạt động**

- Nam A Bank đã xây dựng và ban hành hệ thống quy định quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHĐ) nhằm thống nhất các nguyên tắc, quy trình nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro hoạt động (RRHĐ) cũng như chế độ thông tin, báo cáo liên quan đến quản lý RRHĐ tại Nam A Bank.
- Chiến lược quản lý rủi ro được thiết kế phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của Nam A Bank và được cụ thể hóa tại các chính sách, các quy định, quy trình; thường xuyên rà soát, điều chỉnh để bảo đảm tuân thủ quy định theo Thông tư 13 và tiêu chuẩn Basel.
- Hạn mức RRHĐ bao gồm hạn mức về mức độ tổn thất tài chính và hạn mức về mức độ tổn thất phi tài chính (bao gồm cả uy tín, danh tiếng, phát sinh nghĩa vụ pháp lý), nhằm đảm bảo công tác quản lý RRHĐ gắn với khẩu vị rủi ro trong từng thời kỳ.
- Mô hình quản trị RRHĐ được thiết lập theo cơ chế 03 tuyến bảo vệ, đáp ứng yêu cầu của Thông tư 13, bảo đảm phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các tuyến bảo vệ; đồng thời triển khai các cơ chế chia sẻ thông tin, phối hợp hành động giữa các tuyến để nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro.
- Cơ cấu tổ chức của Nam A Bank được thiết kế rõ ràng, đảm bảo phân tách trách nhiệm và quyền hạn của các cá nhân, bộ phận/đơn vị có liên quan. Các chính sách, quy định, quy trình và hệ thống được triển khai đồng bộ, phù hợp với khẩu vị RRHĐ trong từng thời kỳ.
- Nam A Bank đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản trị rủi ro: hệ thống cảnh báo tự động, chốt chặn trên quy trình nghiệp vụ, sản phẩm dịch vụ, công cụ dự báo và phân loại rủi ro dựa trên dữ liệu quản trị. Việc ứng dụng này giúp giảm thiểu rủi ro vận hành, đặc biệt trong khâu dự báo, nhận diện và xử lý sớm các dấu hiệu rủi ro.

❖ **Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục**

- Nam A Bank đã triển khai nhiều giải pháp, các Thông báo/Hướng dẫn và các hoạt động truyền thông nội bộ nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên, đảm bảo hoạt động ngân hàng ổn định, an toàn và vận hành xuyên suốt.
- Việc mua bảo hiểm RRHĐ là một trong những biện pháp kiểm soát rủi ro và giảm thiểu tổn thất RRHĐ. Thông qua quá trình nhận dạng, đánh giá rủi ro đối với hoạt động/sản phẩm, các Đơn vị nghiệp vụ sẽ đề xuất phương án mua bảo hiểm, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và giảm thiểu rủi ro.
- Nam A Bank đã xây dựng cơ sở hạ tầng, ban hành và duy trì kế hoạch hoạt động liên tục và và định kỳ điều chỉnh để phù hợp với những biến động thực tiễn trong hoạt động kinh doanh.
- Cán bộ nhân viên được đào tạo, trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để sẵn sàng ứng phó với sự cố, khôi phục hoạt động kinh doanh về trạng thái bình thường trong thời gian ngắn nhất, duy trì hoạt động kinh doanh được liên tục.
- Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục đảm bảo phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân, bộ phận/Đơn vị khi xảy ra khủng hoảng; xác định rõ Đơn vị đầu mối tiếp nhận thông tin cho từng loại sự kiện; đồng thời duy trì việc cập nhật thông tin liên lạc khi có thay đổi.

b. Nội dung định lượng: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động

Tại thời điểm 30/06/2025, vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động như sau:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ số kinh doanh	Giá trị bình quân 3 năm		Vốn yêu cầu	
	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất
IC	7.160.158	7.200.901	1.074.024	1.080.135
SC	1.860.229	1.866.887	279.034	280.033
FC	201.445	201.445	30.217	30.217
Tổng	9.221.832	9.269.233	1.383.275	1.390.385

3.3. Rủi ro thị trường

a. Nội dung định tính

❖ **Chính sách quản lý rủi ro thị trường**

- Chính sách quản lý rủi ro thị trường được Nam A Bank xây dựng cho từng thời kỳ, đảm bảo phù hợp với môi trường và chiến lược kinh doanh của Nam A Bank, tuân thủ các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và các quy định nội bộ của Nam A Bank về quản lý rủi ro thị trường.
- Chính sách bao gồm nguyên tắc, cơ chế quản lý rủi ro thị trường, đảm bảo nguyên tắc độc lập về phân tách chức năng và nhiệm vụ giữa các bộ phận: kinh doanh trực tiếp, quản lý rủi ro, thanh toán và hạch toán.
- Nam A Bank đã ban hành quy định hướng dẫn phân định về sổ kinh doanh và sổ ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Dữ liệu về giao dịch trên sổ kinh doanh và sổ ngân hàng phải được ghi nhận chính xác, đầy đủ và kịp thời vào hệ thống cơ sở dữ liệu.

- Nam A Bank quy định cụ thể các nguyên tắc trong việc nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thị trường trong điều kiện bình thường và điều kiện biến động mạnh về giá/ tỷ giá.

❖ **Chiến lược tự doanh**

- Chiến lược tự doanh được xây dựng trên cơ sở các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của các yếu tố thị trường, tình hình tài chính cũng như hạn mức kinh doanh được giao cho bộ phận kinh doanh.
- Chiến lược tự doanh là tài liệu cơ sở, bao quát và định hướng hoạt động tự doanh trong năm của Nam A Bank.

❖ **Danh mục thuộc sổ kinh doanh:**

- Danh mục trong sổ kinh doanh của Nam A Bank tại thời điểm 30/06/2025: Trạng thái giao dịch mua bán ngoại tệ (chưa đủ điều kiện tính vốn yêu cầu theo rủi ro ngoại hối).

❖ **Các công cụ quản lý rủi ro thị trường.**

Nam A Bank sử dụng các công cụ sau để đo lường, kiểm soát và thực hiện báo cáo đối với rủi ro thị trường:

- Đánh giá danh mục/ trạng thái theo giá trị thị trường (Mark to market);
- Đánh giá danh mục/ trạng thái theo mô hình (Mark to model);
- Giá trị chịu rủi ro (Value at Risk – VaR);
- Kiểm tra sức chịu đựng (Stress testing);
- Hệ thống các hạn mức về quản lý rủi ro thị trường.

b. Nội dung định lượng:

Đvt: Triệu đồng

STT	Rủi ro thị trường	Vốn yêu cầu
1	Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	-
2	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	-
3	Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	-
4	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	-
5	Vốn yêu cầu cho rủi ro quyền chọn	-
Tổng		-

Ngày 29 tháng 09 năm 2025

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Khải Hoàn